

Số: 87 /GD&ĐT

Krông Pa, ngày 29 tháng 3 năm 2019

V/v: Báo cáo tình hình thực hiện chính sách đối với trường, người dạy, người học ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi.

- Kính gửi:** - Trường THCS Dân Tộc Nội trú.
- Trường THCS Nguyễn Huệ xã Chư Drăng,
- Trường PTDTBT THCS xã Ia Rсай,
- Trường Tiểu học xã Krông Năng,
- Trường THCS Lê Quý Đôn xã Ia Siom
- Trường THCS xã Đất Bằng.

Thực hiện văn bản số 445/SGD&ĐT-KHTC ngày 26/3/2019 của Sở Giáo dục – Đào tạo Gia Lai về việc báo cáo tình hình thực hiện chính sách đối với trường, người dạy, người học ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi.

Để có số liệu chính xác, kịp thời báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo, phòng Giáo dục và Đào tạo yêu cầu Hiệu trưởng các đơn vị trường khẩn trương nắm bắt tình hình và báo cáo theo các nội dung sau.

1. Kiểm tra, rà soát và báo cáo tình hình thực hiện chính sách đối với trường, người dạy, người học ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi (theo đề cương và biểu mẫu đính kèm).

2. Thời gian nộp báo cáo: nộp về phòng Giáo dục – Đào tạo (đ/c Diệu) và gửi mail về địa chỉ dieupgdkrongpa@gmail.com chậm nhất là ngày 02/4/2019.

Nhận được văn bản này yêu cầu Hiệu trưởng các đơn vị trường khẩn trương nắm bắt tình hình và báo cáo số liệu chính xác, kịp thời, đúng thời gian quy định.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (t.hiện);
- Lãnh đạo PGD – ĐT;
- Lưu VT-CM-TV.

TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
H. KRÔNG PA, T. GIA LAI
Nguyễn Văn Vĩnh

....., ngày tháng năm 2019

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện chính sách đối với trường, người dạy, người học ở vùng
dân tộc thiểu số, miền núi**

(Kèm theo Công văn số: 123/BGDĐT-GDDT ngày 13/3/2019 của Bộ GD&ĐT)

Mở đầu

Nêu khái quát về tình hình kinh tế - xã hội (KT-XH), dân tộc, dân cư ;
tình hình phát triển giáo dục và đào tạo (GDĐT) nói chung và giáo dục dân tộc
(GDDT) nói riêng của địa phương.

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI TRƯỜNG, NGƯỜI DẠY, NGƯỜI HỌC Ở VÙNG DTTS, MN

I. THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH CỦA TRUNG ƯƠNG

**1. Chính sách đối với các trường PTDTNT, PTDTBT, trường phổ
thông có HSBT (bao gồm 3 cấp học: tiểu học, THCS và THPT) ở vùng
DTTS, MN**

- Các chính sách liên quan đến đầu tư xây dựng cơ sở vật chất nhà trường,
bao gồm cả nhà ở công vụ cho giáo viên, nhà ở nội trú, nhà ăn, nhà bếp, công
trình vệ sinh, nước sạch...

- Nội dung các chính sách đã có nhưng chưa thực hiện được ở địa
phương, nêu lý do.

**2. Chính sách đối với người học là học sinh, sinh viên ở vùng DTTS,
MN và dân tộc rất ít người**

- Chính sách đối với học sinh phổ thông (học sinh nội trú, bán trú, học
sinh ở xã có điều kiện KT-XH ĐBKK, xã biên giới, hải đảo, dân tộc rất ít
người...);

- Chính sách đối với học sinh học tại trung tâm giáo dục thường xuyên,
học sinh học nghề...

- Chính sách với học sinh, sinh viên sau phổ thông (học dự bị đại học, đại học, sau đại học, cử tuyển...);

- Các chính sách cho đối tượng là người học khác...

- Nội dung các chính sách đã có nhưng chưa thực hiện được ở địa phương, nêu lý do.

3. Chính sách đối CBQL, GV công tác ở vùng có điều kiện KT - XH ĐBKK và công tác tại các trường PTDTNT, PTDTBT, trường phổ thông có HSBT (bao gồm cả cấp THPT)

- Chính sách đối CBQL, GV công tác ở vùng có điều kiện KT - XH ĐBKK và công tác tại các trường PTDTNT, PTDTBT, trường phổ thông có HSBT

- Nội dung các chính sách đã có nhưng chưa thực hiện được ở địa phương, nêu lý do.

II. CHÍNH SÁCH CỦA ĐỊA PHƯƠNG (nếu có)

(Báo cáo tương tự như chính sách trung ương)

III. NHỮNG HẠN CHẾ, BẤT CẬP VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Những hạn chế, bất cập

- Nêu những hạn chế, bất cập về chính sách và tình hình triển khai thực hiện chính sách đối với trường, người dạy, người học ở vùng DTTS, MN.

- Các vấn đề khác liên quan khác (phân cấp, phân quyền, quản lý, thanh quyết toán...)

- Những vấn đề liên quan đến nuôi dưỡng HSNT và triển khai thực hiện các nội dung giáo dục đặc thù trong trường PTDTNT....

2. Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập

- Nguyên nhân chủ quan.

- Nguyên nhân khách quan.

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI TRƯỜNG, NGƯỜI DẠY, NGƯỜI HỌC Ở VÙNG DTTS, MN

I. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CHÍNH SÁCH HIỆN HÀNH

1. Chính sách đối với các trường PTDTNT, PTDTBT, trường phổ thông có HSBT(*) ở vùng DTTS, MN

Nêu cụ thể nội dung cần sửa đổi, bổ sung tại văn bản nào? lý do đề xuất.


2. Chính sách đối với người học là học sinh, sinh viên ở vùng DTTS, MN và dân tộc rất ít người

Nêu cụ thể nội dung cần sửa đổi, bổ sung tại văn bản nào? lý do đề xuất.

3. Chính sách đối CBQL, GV công tác ở vùng có điều kiện KT - XH ĐBKK và công tác tại các trường PTDTNT, PTDTBT, trường phổ thông có HSBT (bao gồm cả cấp THPT)

Nêu cụ thể nội dung cần sửa đổi, bổ sung tại văn bản nào? lý do đề xuất.

II. ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG MỚI CHÍNH SÁCH (nếu có)

(Đề xuất tương tự như chính sách sửa đổi, bổ sung. Nêu cụ thể nội dung và lý do đề xuất xây dựng văn bản chính sách mới). 

THỐNG KÊ, ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH (CS) ĐANG THỰC HIỆN ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG Ở VÙNG DTTS, MN

(Kèm theo Công văn số *AM* /BGDDT-GDDT ngày *13* /3/2019 của Bộ GD&ĐT)

TT	Loại hình trường	Số lượng (1)	CS Trung ương (2)	CS địa phương	Nội dung CS chưa thực hiện được, lý do (3)	Đề xuất (4)	Ghi chú
1	Trường PTDTNT						
2	Trường PTDTBT						
3	Trường phổ thông có HSBT cấp tiểu học và THCS						
4	Trường phổ thông có HSBT cấp THPT						
Tổng cộng toàn tỉnh							

Ghi chú: (1) Số trường được hưởng CS.

(2) Nêu rõ số, ngày tháng và cơ quan ban hành văn bản.

(3) Nêu những nội dung được quy định trong văn bản CS nhưng địa phương chưa thực hiện được, lý do.

(4) Đề xuất nội dung cụ thể đối với từng loại hình trường.

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....ngày...tháng....năm 2019

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

THỐNG KÊ, ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH (CS) ĐANG THỰC HIỆN ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC LÀ HỌC SINH, SINH VIÊN Ở VÙNG DTTS, MN

(Kèm theo Công văn số 1241/BGDĐT-GDDT ngày 13/3/2019 của Bộ GD&ĐT)

TT	Học sinh, sinh viên	Số lượng (1)	CS Trung ương (2)	CS địa phương	Nội dung CS chưa thực hiện được, lý do (3)	Đề xuất (4)	Ghi chú
1	Học sinh trường PTDTNT						
2	Học sinh trường PTDTBT						
3	Học sinh trường phổ thông có HSBT cấp tiểu học và THCS						
4	Học sinh trường phổ thông có HSBT cấp THPT						
5	Học sinh học tại các trung tâm GDTX						
6	Học sinh học dự bị đại học						
7	Sinh viên cử tuyển						
8	Sinh viên đại học và sau đại học						
Tổng cộng toàn tỉnh							

Ghi chú: (1) Số lượng học sinh được hưởng chính sách.

(2) Nêu rõ số, ngày tháng và cơ quan ban hành văn bản.

(3) Nêu những nội dung được quy định trong văn bản CS nhưng địa phương chưa thực hiện được, lý do.

(4) Đề xuất nội dung cụ thể đối với từng đối tượng học sinh, sinh viên.

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....ngày...tháng....năm 2019

Thủ trưởng đơn vị

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Biểu 3

THỐNG KÊ, ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH (CS) THỰC HIỆN ĐỐI VỚI CBQL, GV CÔNG TÁC Ở VÙNG DTTS, MN*(Kèm theo Công văn số 1231/BGDĐT-GDDT ngày 13/3/2019 của Bộ GD&ĐT)*

TT	CBQL, GV	Số lượng (1)	CS Trung ương (2)	CS địa phương	Nội dung CS chưa thực hiện được, lý do (3)	Đề xuất (4)	Ghi chú
1	CBQL, GV trường PTDTNT						
2	CBQL, GV trường PTDTBT						
3	CBQL, GV trường phổ thông có HSBT cấp tiểu học và THCS						
4	CBQL, GV trường phổ thông có HSBT cấp THPT						
5	CBQL, GV dạy tại các trung tâm GDTX						
Tổng cộng toàn tỉnh							

Ghi chú: (1) Số lượng CBQL, GV được hưởng chính sách.

(2) Nêu rõ số, ngày tháng và cơ quan ban hành văn bản.

(3) Nêu những nội dung được quy định trong văn bản CS nhưng địa phương chưa thực hiện được, lý do.

(4) Đề xuất nội dung cụ thể đối với CBQL, GV với từng loại hình trường.

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....ngày...tháng....năm 2019

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)